

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn
2. Ông Trịnh Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Hữu H, sinh năm 1984, địa chỉ: thôn 2 , xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị T2, sinh năm 1984, Nơi ĐKKHKT: thôn 2 , xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 24/2019/QĐDS-ST ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Lê Hữu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị T2 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng gần 2 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong sinh hoạt gia đình. Đến tháng 2 năm 2015 chị T2 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, mà không tin tức gì cho anh biết. Anh đã đi tìm kiếm, hỏi han nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về chị T2. Đến tháng 3 năm 2019 anh có đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố chị Vũ Thị T2 mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm chị Vũ Thị T2 trên báo Nhân Dân và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về chị T2, nên ngày 22/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố chị Vũ Thị T2 mất tích; đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị T2, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T2.

Về con chung: anh H xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 18/9/2013; hiện nay con chung đang ở với anh, nguyện vọng của anh là xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con chung vì anh đã nuôi con một mình từ sau khi chị T2 bỏ đi và hiện chị T2 đã mất tích, không có tin tức gì.

Về tài sản và công nợ: anh H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Vũ Thị T2 là người đã bị tuyên bố mất tích; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về chị T2 và đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là người đã bị tuyên bố mất tích, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: xử cho anh Lê Hữu H được ly hôn với chị Vũ Thị T2; Về con chung: giao con chung là Lê Thị Ngọc A cho anh Lê Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: không xem xét; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: anh Lê Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Hữu H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Vũ Thị T2, có hộ khẩu thường trú tại: xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là chị Vũ Thị T2 đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Quá trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về chị T2; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu H và chị Vũ Thị T2 tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/2013, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T2 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nên từ tháng 2 năm 2015 chị T2 đã bỏ nhà đi biệt tích; anh H có làm đơn đề nghị và tại Quyết định số 24/2019/QĐDS-ST ngày 22/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố chị Vũ Thị T2 là người mất tích, đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị T2 đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay anh H có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với chị T2. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận xử cho anh Lê Hữu H được ly hôn với chị Vũ Thị T2.

[3] Về con chung: Anh Lê Hữu H và chị Vũ Thị T2 có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 18/9/2013; hiện nay con chung đang ở với anh H. Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của anh H thấy rằng: cháu A là con chung của vợ chồng đang ở ổn định với anh H, trong khi chị T2 là người mất tích, hiện không biết đang ở đâu, còn sống hay đã chết; Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của anh H, giao con chung là cháu Lê Thị Ngọc A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh H không yêu cầu, nên không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Anh H xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T2 là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lê Hữu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho anh Lê Hữu H được ly hôn với chị Vũ Thị T2.

2. *Về con chung*: Anh Lê Hữu H và chị Vũ Thị T2 có 01 (một) con chung là Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 18/9/2013. Giao con chung là Lê Thị Ngọc A cho anh Lê Hữu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Vũ Thị T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh Lê Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004727 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Anh Lê Hữu H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến